TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 10 - 2019
"V/v: Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Sỹ Luận

2. Ông Tạ Văn Khách

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Bình Phước.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện R mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 203/2019/HNGĐ-ST ngày 24-6-2019 về việc: "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23-9-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐST-DS ngày 10-10-2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1978 (Có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Mạnh C, sinh năm: 1978 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện R, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Ngày 13-11-2006, bà B và ông C tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Phước Long (nay là huyện R), tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh nhưng mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông C không quan tâm, chăm lo cho hạnh phúc gia đình dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hai bên đã tự hòa giải để cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng không có kết quả, bà B đã về nhà mẹ ruột để sinh sống từ năm 2014 cho đến nay. Nay, bà B yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Mạnh C.

Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng bị đơn ông Trần Mạnh C vắng mặt, nên không có bản lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án dân sự về việc " *Tranh chấp Ly hôn*", các bên đương sự hiện cư trú tại thôn C, xã T, huyện R, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện R.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Trần Mạnh C vắng mặt nhưng trước đó đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhiều lần, nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do, nên được xem như ông từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại phiên tòa. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị B cho rằng, trong thời gian chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung vợ chồng không được hạnh phúc, ông C không quan tâm, chăm sóc gia đình. Xét thấy, bà B và ông C sống chung với nhau từ năm 2006, việc sống chung hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương theo quy định, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông C đến tòa để tham gia phiên hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do, hơn nữa theo lời trình bày của nguyên đơn hiện ông bà đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Ngày 10-7-2019, Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh chị sinh sống cũng thể hiện trong thời gian chung sống anh chị thường hay cải vã nhau và hiện nay đã sống ly thân. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà B là phù hợp.

[3] Về việc nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B về việc "Tranh chấp Ly hôn".

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B được ly hôn với ông Trần Mạnh C.

2/ Về việc nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đó theo biên lai thu tiền số 027116 ngày 24-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R, tỉnh Bình Phước. Bà B đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Trần Mạnh C vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND huyện R;*
- *CC THA DS huyện R;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ngô Văn Dương